

## GIỚI THIỆU SÁCH

### TÂM LINH VIỆT NAM

**Tác giả: PGS. Nguyễn Duy Hình**  
**Nxb. Từ điển Bách khoa và Viện Văn hoá,**  
**Hà Nội 2007, 560 tr.**

Tiếp theo một loạt sách về *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam* (1996), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam* (1999), *Người Việt Nam với Đạo giáo* (2003), *Văn minh Lạc Việt* (2004), *Văn minh Đại Việt* (2005), *Triết học Phật giáo Việt Nam* (2006), năm nay PGS. Nguyễn Duy Hình lại cho ra mắt một công trình nghiên cứu mới có tiêu đề *Tâm linh Việt Nam*.

Ngoài lời nói đầu, lời kết, phần phụ lục, nội dung cơ bản của cuốn sách gồm 4 chương, trong đó mỗi chương có 2 tiết đề cập đến thiên-địa-thủy-nhân trong văn hoá Hán và Trời-đất-nước-người trong tâm linh Việt Nam.

Tâm linh Việt Nam là một cuốn sách giúp cho các nhà nghiên cứu có những nhận thức cơ bản ban đầu về vấn đề vốn nhạy cảm trong đời sống văn hoá, chính trị và khó trong nghiên cứu khoa học. Qua phân tích các định nghĩa về các mục từ như tâm lí, vô thần, vô ý thức, tiềm thức, phân tâm học, nhận thức ngoại cảm giác, tâm lí động học, tác giả đưa ra một khái niệm về tâm linh, đó là "*linh cảm về hiện tượng vô hình ảnh hưởng đến đời sống Con Người cảm nhận được qua sống trải nghiệm lâu dài của một cộng đồng người*". Bằng cách hiểu như vậy tác giả cho rằng tâm linh không phải là tinh thần, trí tuệ, tâm lí, tâm thức, tâm hồn, linh hồn, hồn phách tình cảm, tín ngưỡng theo như quy định hiện nay về các khái niệm đó. Tâm linh thuộc về phạm trù ý thức, nó mới là trải nghiệm tức thể nghiệm tiên-lôgic chứ chưa có giá trị duy lí. Tâm linh gắn gũi với tín ngưỡng nhưng rộng hơn tín ngưỡng. Tâm linh là cảm nhận về cái Thiêng trong Tự nhiên và Xã hội (cộng đồng người) trong quá trình trải nghiệm. Trong quá trình sống con người phát sinh quan hệ với Tự nhiên và với Xã hội đã phát hiện ra nhiều điều huyền bí không hiểu được nhưng có quan hệ đến đời sống của họ. Đó là những cái Thiêng. Và họ ứng xử bằng hành vi nào đó theo hướng Kính, Sợ, Kính mà Sợ, Sợ mà Kính. Một số cái Thiêng được thờ như Mưa và được nhân hình hoá thành Thần Mưa. Một số cái Thiêng không được thờ như Ma, Quỷ, cô hồn mà thường xếp vào phạm trù mê tín; một số cái Thiêng không Thờ mà được tôn trọng như kiêng cử (kiêng kị khi sinh đẻ) mà người xếp vào phạm trù phong tục tập quán. Thờ thì thành tín ngưỡng, đã thờ thì cúng tức cung cấp thực phẩm để cầu xin một ân huệ nào đó. Không thờ cũng có thể cúng như cúng cô hồn. Tâm linh chỉ thể nghiệm cái Thiêng không phân biệt thiện ác; còn tín ngưỡng phân biệt thiện - ác. Tâm linh còn là một khát vọng trí tuệ của Con Người. Con Người không bằng lòng khai thác tự nhiên hái

quả săn mồi... sinh con đẻ cái như mọi động vật khác. Con Người có khát vọng tìm hiểu và lí giải Tự Nhiên (trời, đất, nước, muôn loài...) và bản thân Con Người để cải thiện cuộc sống của họ. Qua trải nghiệm cụ thể, lâu dài, mỗi dân tộc có một tâm linh riêng biệt đặc sắc song cũng đều quy vào giải thích về Trời Đất và Con Người. Giải thích về sức mạnh vô hình tác động đến cái Sống của Con Người. Tâm linh là kết quả trải nghiệm của một cộng đồng người trong một môi trường nhất định, không có lí luận lôgic. Tâm linh là trí tuệ tiên lôgic mà những vấn đề nó đặt ra nay khoa học hiện đại vẫn đang nghiên cứu và đã hé mở một số lí luận mới nhưng vẫn chưa đạt đến đích cuối cùng. Về trời đất thì có thuyết Big Bang, Lỗ đen... Về con người thì có ADN, gen, tế bào gốc... nhưng vẫn có thuyết con người từ ngoài vũ trụ đến trái đất chẳng khác mấy tâm linh Người Trời.

Sau khi phân tích về khái niệm *Tâm linh*, tác giả đi sâu vào các nội dung chính của cuốn sách. Trong đầu đề các chương tác giả dùng một chữ Nôm một chữ Hán nhằm muốn nói đến cái gốc và cái hội nhập đều thấy trong tâm linh chứ không phải chỉ là cái gốc Việt mà thôi. Đây cũng chính là điểm nhấn vi thực tế phản ánh sự hội nhập văn hoá là đặc trưng văn hoá Đại Việt. Điều này đã được chứng minh trong cuốn *Văn minh Đại Việt* năm 2005 của tác giả. Tác giả hoàn thành công trình *Tâm linh Việt Nam*, một công trình nghiên cứu về các tộc người sinh sống trên đất Việt. Tác giả viết: "Viết tâm linh người Việt thì đơn giản hơn viết tâm linh Việt Nam. Nhưng suy ngẫm người Việt Nam nay đã thành một cộng đồng đa dân tộc, đa văn hoá, nếu chỉ viết về người Việt thì tuy về mặt khoa học không có vấn đề gì, coi như một chuyên khảo một tộc trong 54 dân tộc. Nhưng như vậy không thể hiện được tính cộng đồng đa dân tộc tốt đẹp thống nhất trong đa dạng văn hoá có một quá trình hội nhập lâu dài". Viết về tâm linh Việt Nam chính là viết về điều mà tác giả đã có ý thức từ lâu trong việc quan tâm đến văn hoá các dân tộc anh em.

Viết về *Tâm linh Việt Nam*, tác giả Nguyễn Duy Hình đã minh chứng "tâm linh Việt Nam dù chịu ảnh hưởng tâm linh văn hoá Hán rất sâu đậm, nhưng không hề Hán hoá 100% mà vẫn bảo tồn bản sắc dân tộc. Trong cuốn *Văn minh Đại Việt* tác giả đã dùng chương đầu để viết về *Đại hội nhập văn hoá tiền Đại Việt*, luận giải về sự hội nhập văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ với văn hoá Việt. Trong tác phẩm đó, tác giả chủ yếu bàn về bản sắc người Việt trong quá trình hội nhập tất yếu và có lợi. Trong *Tâm linh Việt Nam*, tác giả tiến lên một bước minh chứng về bản sắc từng dân tộc Việt Nam trong quá trình đại hội nhập.

Cuối cùng tác giả tạm phân chia quá trình nhận thức vũ trụ và con người của nhân loại trải qua ba bước trí tuệ cơ bản là: "Một, trí tuệ tiên công nghiệp lấy tâm linh làm cơ sở; hai, trí tuệ công nghiệp cận đại lấy cơ học Newton làm cơ sở; ba, trí tuệ công nghiệp hiện đại lấy cơ học lượng tử làm cơ sở. Cái sau phê phán cái trước. Phê phán là cần thiết để phát triển. Nhưng phủ nhận là không khoa học không khách quan". Và, "chúng ta chỉ mới đặt chân vào bước thứ ba. Hãy chờ đợi thế kỉ XXI và sau đó".

**Lê Đức Hạnh**  
**Viện Nghiên cứu Tôn giáo**

**SÁCH MỚI NHẬP VỀ THƯ VIỆN  
VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO**

**VIỆT NAM HỌC**

**KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ LẦN THỨ HAI:  
VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ  
HỘI NHẬP: TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI**

*Viện Khoa học Xã hội Việt Nam,  
Đại học Quốc gia Hà Nội  
Nxb Thế giới, 2007.- Bộ 4 tập*

Sau thành công của cuộc Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất do Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) đồng chủ trì, được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội vào tháng 7 năm 1998, trong các ngày 14, 15, 16 tháng 7 năm 2004, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ hai do Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đồng chủ trì, được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh với chủ đề *Việt Nam trên con đường phát triển và hội nhập: truyền thống và hiện đại*. Tham dự Hội thảo là các nhà nghiên cứu trong nước và 115 học giả đến từ 22 quốc gia. Chủ đề chính của cuộc Hội thảo lần này được giới hạn và mang tính chuyên đề hơn. Trong số gần 500 tham luận, có hơn 300 tham luận được trình bày ở 10 tiểu ban của Hội thảo. Sau Hội thảo, các tham luận đã được tập hợp và in thành 4 tập sách trong bộ kỷ yếu có tiêu đề: *Việt Nam học. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ hai: Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập: truyền thống và hiện đại*. Tập 1: *Những vấn đề kinh tế và xã hội*, Tập 2: *Những vấn đề lịch sử, dân tộc và tôn giáo*, Tập 3: *Những vấn đề văn hóa, văn minh và nghiên cứu giáo dục, con người và nguồn nhân lực*, Tập 4: *Một số vấn đề văn học, ngôn ngữ và những vấn đề nghiên cứu khác*.

Tập 1, với 783 trang, chia làm 2 phần giới thiệu về vấn đề kinh tế và xã hội Việt Nam. Phần 1 giới thiệu các bài diễn văn khai mạc, bế mạc và một số tham luận tại phiên toàn thể của Hội thảo. Các báo cáo tổng hợp tập trung trình bày về lịch sử Việt Nam, con người Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước, tiêu biểu như: *Bản lĩnh Việt Nam* của Trần Văn Giàu, *Việt Nam học trên*

*đường phát triển và giao lưu, hợp tác quốc tế của Phan Huy Lê, v.v...*

Phản ánh từng vấn đề cụ thể của các vấn đề kinh tế và xã hội Việt Nam là nội dung Phần 2 của Tập 1, được trình bày và thảo luận tại Tiểu ban Kinh tế và Tiểu ban Xã hội của Hội thảo.

Trong chủ đề kinh tế, các tham luận chú trọng vào sự phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kì đổi mới và hội nhập, tiêu biểu như: *Sự biến đổi cơ cấu tổ chức kinh tế và tiêu thụ sản phẩm của nông dân trong thời kì đổi mới của Shitara Sumiko*, *Những mũi đột phá về kinh tế trước đổi mới của Đỗ Hoài Nam và Đặng Phong*. Các vấn đề quan hệ kinh tế Việt Nam, triển vọng hợp tác kinh tế, hội nhập kinh tế được trình bày trong Hội thảo với: *Phát triển kinh tế và công bằng xã hội: phân tích hộ gia đình về kinh tế, xã hội và phân bố thời gian tại một thôn thuộc đồng bằng sông Hồng* của Noguchi Hiroshi - Chuma Shoko, *Toàn cầu hóa kinh tế và cơ may của công nghiệp hóa của Bùi Tất Thắng*.

Với chủ đề xã hội, các tham luận tập trung vào các vấn đề: xã hội và chính sách xã hội, vấn đề phân tầng xã hội, vấn đề bình đẳng giới: *Xã hội học và chính sách xã hội của Bùi Đình Thanh*, *Bình đẳng giới trong công tác đào tạo cán bộ nữ ở Việt Nam hiện nay của Bùi Thế Cường, v.v...*

Tập 2, với 739 trang, trình bày về những vấn đề lịch sử, dân tộc và tôn giáo. Những bài viết về lịch sử đề cập đến các vấn đề liên quan đến lịch sử Việt Nam như: *Thử tìm hiểu mối quan hệ của người Phùng nguyên với những cư dân cùng thời ở Đông Nam Á và Nam Trung Quốc của Hán Văn Khẩn*, *Tầm quan trọng về kinh tế và văn hóa của các hội tương tế ở miền Bắc Việt Nam thời Pháp thuộc (1920-1945) của Nguyễn-Marshall*, *Bước vào thế kỉ XXI, nước Việt Nam vững vàng trên con đường phát triển và hội nhập của Trần Đức Cường, v.v...*

Những tham luận về vấn đề dân tộc và tôn giáo cũng phong phú, tiêu biểu như: *Đối diện trước thời đại, các tộc người thiểu số miền núi cần gì?* của Đặng Nghiêm Vạn, *Người Chăm và tôn giáo của Phan An*, *Truyền giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở Giáo phận Kon Tum nhìn từ góc độ tín ngưỡng - văn hóa - xã hội của Nguyễn Hồng Dương, v.v...*

Tập 3 dành trình bày về vấn đề văn hóa, văn minh và nghiên cứu giáo dục, con người. Nội dung của những tham luận về vấn đề văn hóa, văn minh được trình bày trong Hội thảo khá đa dạng, như: *Dấu vết người Chăm và văn hóa Chăm Pa ở bắc Việt Nam* của Trần Quốc Vương, *Đa dạng văn hóa thể hiện trong mối quan hệ giữa tộc người đa số và các tộc người thiểu số ở Việt Nam* của Tô Ngọc Thanh, *Tim hiểu quá trình hình thành và phát triển của Hội An qua sự phân bố các di tích của Kikuchi Seichi*. Chủ đề nghiên cứu về giáo dục, con người và nguồn nhân lực được đề cập trong Hội thảo ở nhiều dạng thức như: *Tính cách người Việt, văn hóa Việt Nam: xưa và nay* của Cao Xuân Phổ, *Vấn đề và giải pháp áp dụng cách tiếp cận quản lí nguồn nhân lực vào Việt Nam* của Phạm Thành Nghị, *Di dân và sự biến đổi văn hóa của Lương Hồng Quang*, v.v...

Tập 4 trình bày về một số vấn đề văn học, ngôn ngữ và những nghiên cứu khu vực. Vấn đề văn học và ngôn ngữ được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau: *Về cấu trúc - tổng thể của lịch sử văn học Việt Nam* của Nguyễn Đình Chú, *Mối quan hệ của tiếng Nguồn với các ngôn ngữ Việt và Mường* của Đoàn Văn Phúc, *Vài suy nghĩ về giáo dục chữ Hán thời kì cận đại Việt Nam - so sánh với các nước Đông Á* của Iwatsuki Junichi, v.v... Về chủ đề nghiên cứu khu vực có: *Văn hóa Sa Huỳnh trong mối quan hệ với các văn hóa kim khí ở Việt Nam và ở Đông Nam Á* của Vũ Công Quý, *Hợp tác phát triển Mêkông và những gợi ý cho Việt Nam* của Masaya Shiraiski, v.v...

Có thể nói, nội dung bộ kỷ yếu cho thấy sự phong phú, đa dạng, chất lượng cao, nhất là tính khái quát, sự chuyên sâu với những tư liệu và cách thức tiếp cận mới của các tham luận trong Hội thảo.

## TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

*Nguyễn Thanh Xuân chủ biên,  
Nxb Tôn giáo, 2006, 145 tr.*

Để góp phần nâng cao hiểu biết về tôn giáo cũng như chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tập thể tác giả do Nguyễn Thanh

Xuân chủ biên đã cho ra mắt bạn đọc cuốn sách *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*.

Nội dung cuốn sách gồm 2 phần: Phần 1 giới thiệu một số tôn giáo ở Việt Nam. Phần 2 giới thiệu về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Phần 1 cuốn sách giới thiệu về 6 tôn giáo lớn của Việt Nam như: Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Hồi giáo (Islam giáo), đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo. Ở mỗi tôn giáo, các tác giả trình bày về: quá trình ra đời và phát triển; về giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội; những số liệu liên quan mới nhất, cụ thể:

Phật giáo: 9.038.064 tín đồ, 35.761 tăng ni; 15.244 cơ sở thờ tự; 3 học viện, 5 trường Cao đẳng Phật học, 38 trường Trung cấp Phật học, 1.076 cơ sở từ thiện.

Công giáo: 5.572.525 tín đồ, 15.108 chức sắc và tu sĩ; 6 chủng viện với 1.044 chủng sinh; 992 cơ sở từ thiện, 130 cơ sở giáo dục.

Đạo Tin Lành: hơn 1 triệu tín đồ, 469 mục sư, mục sư nhiệm chức và truyền đạo, 275 nhà thờ, 1 viện Thánh kinh Thần học và 9 lớp bổ túc Thần học.

Hồi giáo: 64.991 tín đồ, 695 chức sắc, 77 thánh đường.

Đạo Cao Đài: 10 hệ phái với 2.434.000 tín đồ, 9.237 chức sắc, 25.829 chức việc, 1025 thánh thất và điện thờ ở 34 tỉnh thành.

Phật giáo Hòa Hảo: 1.232.572 tín đồ, 1.554 uỷ viên Ban Trị sự các cấp, 35 chùa ở 18 tỉnh thành.

Phần 2 cuốn sách bày về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, cụ thể là các văn bản: Chỉ thị số 37 của Bộ Chính trị năm 1998 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Nghị quyết số 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 2003: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX về công tác tôn giáo*, Lệnh của Chủ tịch nước *Về việc công bố Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* ban hành năm 2004, Nghị định số 22 của Chính phủ năm 2005 *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Chỉ thị số 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*.